

Bản án số: 170/2025/HS-ST
Ngày: 27 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thuỳ Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Ông Nguyễn Văn Quân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Thuý – Thư ký Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Đô – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 669/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tấn Ngọc T – sinh năm: 2002 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: 524/4/3 lô H, đường N, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: C, ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn Ngọc Á và bà Nguyễn Thị Ngọc T1; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 24/12/2024 theo Quyết định truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Quận A; có mặt tại phiên toà.

2. Lương Văn T2 – sinh năm: 1990 tại Bắc Giang; Nơi đăng ký thường trú: Xóm E, thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn S và bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 24/12/2024 theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Quận A; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn S1 sống lang thang tại cầu vượt dành cho người đi bộ ở bên xe A, thời gian ở đây S1 quen biết với Nguyễn Tấn Ngọc T, Q và H1 (chưa rõ lai lịch) cũng sống lang thang tại đây. Khoảng 18 giờ ngày 25/9/2023, S1 cùng T, H1, Q đi bộ đến gầm cầu vượt A thì gặp Lương Văn T2 đang ngồi nhậu với 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) nên vào ngồi chung. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Lương Văn T2 lấy xe đạp chở S1 đi vào các con hẻm trên địa bàn phường T, Quận A để tìm tài sản sơ hở trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài nhưng không phát hiện tài sản nên cả hai quay lại gầm cầu vượt A. Sau đó, Trần Văn S1 đi bộ một mình đến trước nhà số A, tổ E, khu phố C, phường T, Quận A thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu xanh, biển số 59G2-034.83 của ông Lê Trung H2 đang dựng phía trước, không có người trông coi và không khóa cổ nên S1 đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô trên rồi điều khiển về gầm cầu vượt A. Tại đây, S1 nói với những người đang ngủ tại mái che gồm T, T2, Q và H1 xe mô tô mới trộm cắp được. Lúc này, T2 nói có thể bẻ khóa xe mô tô biển số 59G2-034.83 được nên T2 dắt xe mô tô do S1 vừa trộm cắp được đi về hướng khu chung cư A thuộc phường T, Quận A. Thấy T2 dắt xe đi, S1 nói T đi theo xem T2 làm gì. Một lúc sau, S1 đi bộ đến đường S, Quốc lộ B thuộc phường T, Quận A thì thấy T2 đang dùng tua vít phá khóa xe mô tô biển số 59G2 - 034.83 nhưng không bẻ khóa được nên S1 dẫn bộ xe mô tô đi gửi qua đêm tại chung cư T thuộc phường T, Quận A.

Đến khoảng 06 giờ ngày 26/9/2023, Trần Văn S1 và Nguyễn Tấn Ngọc T đi bộ đến chung cư T lấy xe mô tô biển số 59G2 - 034.83 đem đến tiệm sửa xe vỉa hè gần chung cư để mở khóa. Sau đó, S1 điều khiển xe mô tô chở T quay lại gầm cầu vượt A, rồi đưa xe mô tô trộm cắp được cho T đem đi bán nhưng không bán được nên S1 nói với T mang xe mô tô vào bến xe A để gửi. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, T quay lại lấy xe mô tô trên thì bị Công an xã B, huyện H cùng tổ bảo vệ của Bến xe A giữ lại và đưa về trụ sở làm việc.

Sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Nguyễn Tấn Ngọc T và Lương Văn T2 bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành quyết định tách vụ án và quyết định truy nã đối với Nguyễn Tấn Ngọc T và Lương Văn T2.

Ngày 24/02/2025 Toà án nhân dân Quận 12 đã xét xử Trần Văn S1 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường; về xử lý vật chứng tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 USB (theo bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HSST ngày 24/02/2025).

Ngày 24/12/2024 Nguyễn Tấn Ngọc T và Lương Văn T2 bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tấn Ngọc T và Lương Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Công bố lời khai của bị cáo Trần Văn S1 và ông Lê Trung H2 có nội dung như các bị cáo đã khai nhận.

* Tại Cáo trạng số 142/CT-VKSQ12 ngày 14/4/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Ngọc T và Lương Văn T2 về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố đối với các bị Nguyễn Tấn Ngọc T, Lương Văn T2 và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 17 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Ngọc T từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn T2 từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 41/2025/HSST ngày 24/02/2025 của Toà án nhân dân Quận 12.

Các bị cáo không tranh luận. Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo đã ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Trần Văn S1; phù hợp lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Quận A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Ngày 25/9/2023 Nguyễn Tấn Ngọc T và Lương Văn T2 không hứa hẹn trước với Trần Văn S1 nhưng mặc dù biết rõ xe mô tô biển số 59G2-034.83 do Sĩ trộm cắp mà có nhưng T2 vẫn giúp S1 mang xe đi phá khoá, T giúp S1 mang xe đi gửi trong bãi xe.

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý và đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Tấn Ngọc T và Lương Văn T2 đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và phiên toà các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về phân hoá vai trò và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Nguyễn Tấn Ngọc T và Lương Văn T2 không hứa hẹn trước với Trần Văn S1 nhưng mặc dù biết rõ xe mô tô do Sĩ trộm cắp mà có nhưng bị cáo Nguyễn Tấn Ngọc T giúp Trần Văn S1 mang xe mô tô trộm cắp đi gửi trong bãi xe; còn bị cáo Lương Văn T2 giúp Trần Văn S1 mang xe đi phá khoá nên vai trò các bị cáo ngang nhau. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và đều có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 41/2025/HSST ngày 24/02/2025 của Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn Ngọc T và Lương Văn T2 phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 17 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn Ngọc T** 01 (một) năm tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2024.

Xử phạt: Bị cáo **Lương Văn T2** 01 (một) năm tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 41/2025/HSST ngày 24/02/2025 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Tấn Ngọc T và Lương Văn T2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM (1b);
- VKSND Tp.HCM (1b);
- Công an Tp.HCM (1b);
- Cơ quan THAHS Công an Tp.HCM (1b);
- Sở Tư pháp Tp.HCM (1b);
- VKSND Quận 12 (1b);
- Chi cục THA dân sự Quận 12 (1b);
- Bị cáo (1b);
- Những người tham gia tố tụng khác (2b);
- Bộ phận THA hình sự (5b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thuỳ Trang